

Nghệ thuật thể hiện tư tưởng tác phẩm Cáo Tật Thị Chúng của Đại sư Mãn Giác thời Lý

ISSN: 2734-9195 14:30 14/10/2025

Tác phẩm “Cáo Tật Thị Chúng” của Thiền sư Mãn Giác là một thi phẩm đặc sắc, kết hợp hài hòa giữa tư tưởng thiền học sâu sắc và hình thức nghệ thuật cô đọng, tinh luyện.

Tác giả: **Tỳ kheo ni Thích nữ Liên Thông** - Học viện PGVN tại TP.HCM

A. Dẫn nhập

Văn học Phật giáo là một thành phần quan trọng trong dòng chảy văn học Việt Nam, gắn liền với triết lý thiền Phật giáo và quan niệm thẩm mỹ đặc thù của Phật giáo.

Trong đó, Thiền học giữ vai trò nổi bật, thể hiện rõ ở chiều sâu tư tưởng và vẻ đẹp thanh tịnh trong cách biểu đạt. Văn học Phật giáo thường tập trung phản ánh những vấn đề về bản thể và con đường giải thoát, thể hiện khao khát vượt thoát mọi ràng buộc của thế giới hiện tượng. Thiền tông quan niệm rằng mọi pháp đều có bản tính bình đẳng. Chân lý tuyệt đối được gọi là pháp giới chân thật, nơi mà bản thể thực sự của muôn loài, dù là chúng sinh có tri giác hay không có tri giác, đều không hề khác biệt.

Người tu hành chân chính, cũng như các văn sĩ Phật giáo, luôn hướng đến mục tiêu truy cầu và giác ngộ bản tâm, sống trọn vẹn với con người chân thật của mình, tức là sống với chân tâm và Phật tính vốn sẵn có trong mỗi sinh linh. Đây chính là trạng thái giải thoát cao nhất, thoát ly khỏi mọi trói buộc của vọng tưởng, khái niệm và hình thức. Những tác phẩm văn học Thiền xuất sắc dường như đều khởi sinh từ một tâm hồn đã giác ngộ, đạt đến sự tự do tuyệt đối, tự tại giữa cuộc đời. Chính từ nguồn tâm rỗng rang trong sáng ấy, cái đẹp trong văn chương Thiền được biểu hiện tinh tế, sâu lắng và vượt lên mọi giới hạn thông thường của ngôn ngữ.

Bài thơ Cáo Tật Thị Chúng của Thiền sư Mãn Giác là một thi phẩm ngắn gọn nhưng hàm chứa chiều sâu tư tưởng đặc biệt. Không chỉ là lời cáo bệnh thông thường, bài thơ còn là một thông điệp tâm linh được gửi gắm trước giờ viên tịch. Trong đó, ngôn từ trở thành phương tiện chuyển tải đạo lý, vừa mộc mạc, tự nhiên, vừa giàu sức gợi mở, thể hiện trọn vẹn phong thái tự tại của một bậc Thiền sư đã thấm nhuần tinh thần giải thoát.

Với đặc điểm là thơ Thiền, tác phẩm không đặt trọng tâm vào việc giải thích hay trình bày lý thuyết mà chú trọng đến sự trực nhận, đến cảm thức nội tâm của người đọc. Đây là biểu hiện rõ nét của phương pháp truyền đạt đặc trưng trong Thiền học: dĩ tâm truyền tâm. Lời thơ trở thành chiếc cầu nối giữa tâm người nói và người nghe, không câu nệ văn cú, không chấp trước ngôn ngữ, giống như ngón tay chỉ mặt trăng. Ngón tay tuy không phải mặt trăng nhưng là phương tiện để thấy mặt trăng. Cũng vậy, bài thơ không phải chân lý nhưng có thể dẫn khởi cho người đọc một cơ hội để trực nhận chân lý.

1. Lý do chọn đề tài

Trong tiến trình phát triển của văn học Việt Nam thời trung đại, thời Lý được xem là một giai đoạn đặc biệt với sự thăng hoa của tư tưởng Phật giáo, đặc biệt là Thiền tông. Dưới ảnh hưởng sâu sắc của Thiền học, văn học thời kỳ này không chỉ là phương tiện để thể hiện cảm xúc hay phản ánh nhân sinh.

Trong số những Thiền sư nổi bật của giai đoạn này, Thiền sư Mãn Giác là một tên tuổi tiêu biểu, vừa là một bậc chân tu, vừa là một nhà thơ mang đậm tư tưởng Thiền trong từng câu kệ.

Bài thơ Cáo Tật Thị Chúng, được sáng tác vào cuối đời Thiền sư, là một tác phẩm ngắn gọn nhưng hàm chứa nhiều lớp nghĩa sâu xa. Đây không chỉ là báo bệnh thông thường mà còn là một lời giảng đạo cuối cùng gửi đến đệ tử, chứa đựng những tư tưởng triết học Phật giáo sâu sắc như vô thường, sinh diệt, sự chuyển hóa, buông xả và sự tiếp nối của sự sống. Đồng thời, bài thơ cũng thể hiện rõ nghệ thuật thơ Thiền: cô đọng, hàm súc, sử dụng hình ảnh tự nhiên như một dụng cụ biểu đạt triết lý sống – chết và giác ngộ.

Việc chọn đề tài Phân tích nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật tác phẩm “Cáo Tật Thị Chúng” của Thiền sư Mãn Giác thời Lý xuất phát từ mong muốn tìm hiểu rõ hơn về giá trị tư tưởng cũng như vẻ đẹp nghệ thuật của một bài thơ thiền học tiêu biểu trong kho tàng văn học trung đại Việt Nam. Qua đó, đề tài không chỉ góp phần làm nổi bật vai trò của thơ Thiền trong văn học dân tộc mà còn khơi mở những suy tư sâu sắc về nhân sinh, đặc biệt có ý nghĩa trong bối

cảnh con người hiện đại đang tìm kiếm sự bình an nội tâm giữa cuộc sống nhiều biến động. Đây cũng là cách để tiếp cận với di sản văn hóa – tưởng dân tộc bằng tinh thần học thuật nghiêm túc, kết hợp giữa văn học và triết học.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài tiểu luận

Tác phẩm *“Cáo Tật Thị Chúng”* của Thiền sư Mãn Giác đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu văn học, đặc biệt là trong lĩnh vực văn học Phật giáo và văn học trung đại Việt Nam. Với vị trí là một thi phẩm tiêu biểu của thơ Thiền thời Lý, bài thơ này đã được đề cập trong nhiều công trình nghiên cứu, sách giáo khoa cũng như bài viết chuyên ngành. Tuy nhiên, số lượng công trình phân tích chuyên sâu về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật của bài thơ một cách hệ thống vẫn còn tương đối hạn chế.

Trong quá trình khảo sát tài liệu, có thể nhận thấy một số công trình nghiên cứu tiêu biểu đã có những đóng góp nhất định cho việc tìm hiểu bài thơ này:

Trần Đình Hượu trong *“Văn học Việt Nam giai đoạn đầu của thời kỳ văn học viết”* đã có những nhận định quan trọng về vai trò của Phật giáo trong việc hình thành và phát triển văn học thời Lý – Trần, trong đó có đề cập đến một số thi phẩm mang màu sắc Thiền học, bao gồm cả thơ của Thiền sư Mãn Giác. Tuy nhiên, tác giả chỉ dừng lại ở việc đánh giá khái quát, chưa đi sâu vào phân tích từng tác phẩm cụ thể.

Nguyễn Đăng Na trong công trình *“Văn học trung đại Việt Nam – những vấn đề lý luận và thực tiễn nghiên cứu”* cũng đã xem xét thơ Thiền như một hiện tượng văn học tôn giáo đặc biệt, trong đó bài Cáo tật thị chúng được nhắc đến như một minh chứng tiêu biểu cho tính hàm súc, cô đọng và giàu chất triết lý của thơ Thiền thời Lý.

Bên cạnh đó, một số công trình chuyên sâu hơn đã tiếp cận bài thơ từ nhiều phương diện khác nhau. Tiêu biểu là bài viết của Nguyễn Minh Nhật Nam (2020) với tiêu đề *“Bài thơ Cáo tật thị chúng của Thiền sư Mãn Giác từ góc nhìn kí hiệu học cấu trúc”*. Trong bài viết này, tác giả đã vận dụng phương pháp kí hiệu học để phân tích hệ thống biểu tượng và cấu trúc ngôn ngữ trong bài thơ, làm nổi bật mối quan hệ giữa hình ảnh và ý niệm, đặc biệt là biểu tượng *“nhất chi mai”* như một ẩn dụ cho bản thể tĩnh tại, bất sinh bất diệt trong tư tưởng Thiền.

Ngoài ra, còn có một số bài nghiên cứu đăng trên các tạp chí khoa học như Tạp chí Văn học, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, Tạp chí Hán Nôm... đã tiếp cận bài thơ từ nhiều góc độ: triết học Phật giáo, ngôn ngữ, thi pháp thơ Thiền,... Tuy nhiên, mỗi bài viết thường tập trung vào một khía cạnh riêng lẻ mà chưa có sự

kết hợp đồng bộ giữa việc phân tích nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật trong một chỉnh thể thống nhất.

Từ thực tế đó, có thể thấy rằng, mặc dù *Cáo Tật Thị Chúng* là một trong những tác phẩm quan trọng của thơ Thiền trung đại Việt Nam, song chưa có nhiều công trình chuyên khảo phân tích toàn diện bài thơ này dưới góc nhìn vừa văn học vừa triết học. Chính vì vậy, đề tài *“Phân tích nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật tác phẩm ‘Cáo Tật Thị Chúng’ của Thiền sư Mãn Giác thời Lý”* có ý nghĩa thiết thực, không chỉ góp phần lấp khoảng trống trong nghiên cứu mà còn làm rõ hơn giá trị của một di sản văn hóa, tư tưởng đặc sắc trong kho tàng văn học dân tộc.

3. Mục đích và nhiệm vụ đề tài

Mục đích: Làm rõ giá trị nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật trong bài thơ *“Cáo Tật Thị Chúng”* của Thiền sư Mãn Giác. Qua đó, đề tài góp phần khẳng định vai trò của thơ Thiền trong tiến trình văn học trung đại Việt Nam, đồng thời lý giải chiều sâu triết lý Phật giáo được thể hiện bằng ngôn ngữ thi ca cô đọng, giàu hình tượng. Việc phân tích bài thơ còn nhằm hướng đến việc gìn giữ, tiếp cận và phát huy những giá trị văn hóa và tư tưởng truyền thống trong đời sống tinh thần hiện đại.

Nhiệm vụ: Phân tích toàn diện bài thơ từ hai phương diện chính về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật. Về tư tưởng, tác phẩm thể hiện rõ những quan điểm trọng yếu của Phật giáo Thiền tông như vô thường, sinh diệt – tái sinh, giác ngộ và sự tiếp nối. Về nghệ thuật, bài thơ nổi bật với ngôn ngữ hàm súc, hình ảnh biểu tượng sâu sắc. Đặc biệt là *“cành mai”*, kết cấu chặt chẽ và phong cách thơ Thiền đặc trưng. Đồng thời, bài thơ giữ vị trí quan trọng trong văn học thời Lý và trong dòng thơ Thiền Việt Nam. Từ đó, có thể gợi mở cách tiếp cận thơ Thiền theo hướng kết nối giữa văn học và triết học, phù hợp với tư duy hiện đại.

4. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài giới hạn trong việc phân tích bài thơ *“Cáo Tật Thị Chúng”* của Thiền sư Mãn Giác trong bối cảnh văn học Phật giáo thời Lý. Về nội dung tư tưởng (vô thường, giác ngộ, buông xả, tiếp nối) và hình thức nghệ thuật (ngôn ngữ cô đọng, hình ảnh biểu tượng, phong cách thơ Thiền). Văn bản sử dụng là bản phổ biến hiện nay, có đối chiếu Hán – Việt khi cần thiết. Giới hạn nghiên cứu nhằm hướng đến một cái nhìn toàn diện nhưng tập trung, giúp làm nổi bật giá trị của bài thơ như một kết tinh giữa tư tưởng Phật học và nghệ thuật thi ca trong tiến

trình văn học dân tộc.

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài không triển khai toàn bộ các phương pháp học thuật liên ngành, mà chủ yếu sử dụng:

- Phương pháp phân tích – tổng hợp
- Phương pháp văn học so sánh (trong giới hạn nhỏ)
- Phương pháp phân tích triết học Phật giáo
- Phương pháp thi pháp học để khám phá đặc điểm **nghệ thuật thơ Thiền**.

6. Ý nghĩa khoa học thực tiễn

Đề tài góp phần làm rõ giá trị tư tưởng và nghệ thuật của bài thơ “*Cáo Tật Thị Chúng*” dưới góc nhìn kết hợp giữa văn học và triết học, từ đó khẳng định vai trò của thơ Thiền trong tiến trình văn học dân tộc. Việc phân tích toàn diện một tác phẩm Thiền học tiêu biểu còn giúp mở rộng hướng tiếp cận văn học trung đại theo tinh thần liên ngành, vừa gắn với bối cảnh văn hóa và tôn giáo truyền thống, vừa có khả năng đối thoại với những vấn đề tinh thần của con người hiện đại. Đồng thời, đề tài cũng góp phần bổ sung thêm tư liệu nghiên cứu chuyên sâu về thơ Thiền thời Lý là một mảng còn tương đối hạn chế trong hệ thống nghiên cứu văn học Việt Nam hiện nay.

7. Kết cấu của tiểu luận

Chương I: Bối cảnh văn hóa xã hội thời Lý và tác giả Thiền sư Mãn Giác – tác phẩm *Cáo Tật Thị Chúng*.

Chương II: Nội dung tư tưởng Phật học trong tác phẩm *Cáo Tật Thị Chúng*.

Chương III: Hình thức nghệ thuật trong tác phẩm *Cáo Tật Thị Chúng*.

B. Nội dung

Chương I. Bối cảnh văn hoá xã hội thời Lý và tác giả Thiền sư Mãn Giác - Tác phẩm *Cáo Tật Thị Chúng*

1.1. Bối cảnh văn hóa - xã hội thời Lý

Sư Mãn Giác sống vào thời nhà Lý một giai đoạn được xem là thời kỳ hưng thịnh của Phật giáo Việt Nam. Từ khi vua Lý Công Uẩn lên ngôi (năm 1009), đạo Phật chính thức giữ vai trò quốc giáo, được các vua, hoàng hậu và giới quý tộc hết sức sùng mộ. Điều này tạo điều kiện cho Phật giáo phát triển mạnh mẽ, không chỉ về mặt tổ chức Tăng đoàn, xây dựng chùa chiền, mà còn phát triển phong phú về tư tưởng, triết học và văn học.

Giai đoạn này, các dòng Thiền như Tỳ-ni-đa-lưu-chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường đều hoạt động sôi nổi, hình thành một nền Thiền học mang đậm tính dân tộc và trí tuệ bản địa. Phật giáo thời Lý không chỉ gắn với việc tu hành trong chốn thiền môn, mà còn hòa nhập sâu sắc vào đời sống chính trị, xã hội, giáo dục và văn hóa dân tộc. Các Thiền sư thời này không chỉ là người tu tập, mà còn là trí thức nghệ sĩ cố vấn triều đình, đóng vai trò quan trọng trong việc ổn định quốc gia và phát triển nền tảng tinh thần cho dân tộc.

1.2. Tiểu sử Thiền sư Mãn Giác

Thiền sư Mãn Giác (滿覺), thế danh là Nguyễn Trường, sinh năm 1052 tại làng Cổ Đô, huyện Hoài Đức (nay thuộc Hà Nội). Ngài xuất thân trong một gia đình Nho học, từ nhỏ đã thông minh, ham học và sớm thể hiện trí tuệ vượt trội. Ngài được xem là một trong những vị Thiền sư nổi bật thuộc dòng thiền Vô Ngôn Thông, có ảnh hưởng lớn về cả tư tưởng và văn học Phật giáo thời Lý.

Ngài xuất gia từ sớm, tu học với Thiền sư Quảng Trí là một vị cao Tăng danh tiếng lúc bấy giờ. Dưới sự dẫn dắt của thầy, Thiền sư Mãn Giác không chỉ giỏi giới luật mà còn tinh thông giáo lý và đạt được tuệ giác sâu sắc. Sau này, Ngài trở thành bậc long tượng trong hàng Tăng chúng, nổi tiếng về đức độ, hạnh tu và khả năng thuyết pháp.

Không những thế, Thiền sư còn có mối quan hệ gần gũi với triều đình nhà Lý. Vua Lý Nhân Tông từng mời Ngài vào cung để giảng pháp và ban hiệu là “*Mãn Giác*”, nghĩa là giác ngộ viên mãn, thể hiện sự tôn kính đối với trí tuệ và phẩm hạnh của Ngài.



Hình minh họa Thiền sư Mãn Giác (sưu tầm).

1.3. Hành trạng tu hành và đóng góp

Suốt cuộc đời tu tập, Thiền sư Mãn Giác luôn nêu cao tinh thần vô vi, giản dị, sống thiếu dục tri túc. Ngài từng trụ trì tại chùa Giác Nguyên, nơi giảng dạy cho nhiều học trò và tiếp nối mạch truyền của Thiền phái Vô Ngôn Thông. Tuy giữ vai trò quan trọng trong Phật giáo đương thời, Thiền sư vẫn giữ nếp sống ẩn dật, không màng danh lợi, chuyên tâm vào việc tu hành và giáo hóa.

Ngài để lại rất ít tác phẩm, nhưng chỉ một bài thơ “*Cáo Tật Thị Chúng*” được viết trong những ngày cuối đời cũng đủ khẳng định tư tưởng uyên áo và phong cách Thiền mang hồn Việt. Bài thơ này không chỉ thể hiện trí tuệ vượt thoát sinh tử, mà còn góp phần làm giàu cho kho tàng văn học Phật giáo nước nhà. Với ngôn từ súc tích, hình ảnh tinh tế, bài thơ vừa mang chiều sâu triết lý, vừa gợi cảm xúc nhẹ nhàng mà kiên cường trước vô thường và cái chết.

Thiền sư Mãn Giác viên tịch năm 1096, thọ 45 tuổi. Dù ra đi ở độ tuổi còn trẻ so với các bậc Tăng khác, nhưng sự hiện hữu và trí tuệ của Ngài vẫn để lại dấu ấn lớn trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Ngài là biểu tượng của một bậc chân tu ngộ đạo, sống và chết trong sự an nhiên, tự tại, đúng với tinh thần của Thiền học.

Chương II. Nội dung tư tưởng Phật học trong tác phẩm Cáo Tật Thị Chúng

2.1. Cảm thức vô thường

Tư tưởng “vô thường” là một trong những trụ cột quan trọng nhất của triết lý Phật giáo. Theo giáo lý nhà Phật, tất cả pháp hữu vi tức những gì được tạo thành bởi điều kiện đều không tồn tại vĩnh viễn, mà luôn vận hành trong quy luật sinh – diệt, thành – hoại. Nhận thức rõ sự vô thường của thế giới chính là bước đầu giúp hành giả buông bỏ chấp thủ, mở ra cánh cửa giác ngộ. Trong bài thơ “Cáo Tật Thị Chúng”, Thiền sư Mãn Giác đã thể hiện một cảm thức sâu sắc về vô thường, không chỉ qua nhận thức trí tuệ, mà còn qua một cái nhìn đầy thi vị, thấm đượm tinh thần Thiền học và nghệ thuật sống.

2.1.1. Thời gian vô thường

Ngay trong hai câu đầu của bài thơ:

*“Xuân khứ bách hoa lạc,
Xuân đáo bách hoa khai.”
(Xuân đi trăm hoa rụng,
Xuân đến trăm hoa nở).*

Chỉ mới hai câu, mười chữ, mà tác giả đã ba lần dùng điệp từ: “xuân”, “bách”, “hoa”. Âm hưởng nhạc tính từ những điệp từ này càng tạo ấn tượng cho người nghe như thấy, như nghe, như cảm được thời gian qua nhanh, không thể nắm bắt. Chữ “bách” nghĩa là trăm. Trăm hoa ở đây chỉ muôn vật, chỉ ra cho ta thấy quy luật tuần hoàn như bánh xe luân hồi không dứt này chi phối toàn bộ giới tự nhiên không thể nào tránh khỏi. Đây là quy luật sinh, trụ, dị, diệt trong triết học Phật giáo. “Sinh” là được sinh ra, xuất hiện; “trụ” là tồn tại và phát triển; “dị” là thay đổi, biến dị, “diệt” là mất đi. Quy luật này là quy luật tuyệt đối.

Thiền sư mở ra một hình ảnh chuyển động của thiên nhiên trong dòng thời gian. Xuân đến thì hoa nở, xuân đi thì hoa rụng như một chu kỳ lặp lại năm này qua năm khác. Nhưng điều mà Thiền sư muốn nhấn mạnh ở đây không chỉ là hiện tượng tự nhiên, mà là quy luật sinh – trụ – dị – diệt chi phối tất cả mọi pháp trên thế gian.

Một mùa xuân đến là khởi đầu của cái mới (sinh), rồi mùa xuân kéo dài trong một giai đoạn (trụ), sau đó tàn phai dần đi (dị), và cuối cùng là kết thúc để nhường chỗ cho cái khác (diệt). Qua dòng chảy tuần hoàn đó, người học Thiền

nhận ra thế giới luôn trong quá trình biến dịch không ngừng, không có gì đứng yên hay bất biến.

Thời gian không dừng lại, tuổi trẻ không ở mãi, mọi khoảnh khắc đều trôi qua như cát qua kẽ tay. Bởi vậy, con người nếu mãi mê đắm trong dục vọng, trong hư ảo của cuộc đời mà không tỉnh thức, sẽ trôi lặn trong sinh tử mà không tìm được lối thoát. Cảm thức vô thường của thời gian là một lời cảnh tỉnh: rằng tất cả những gì đang có đều là giả hợp, phải biết trân quý giây phút hiện tại, sống trọn vẹn với từng sát-na đang hiện hữu.

2.1.2. Không gian vô thường

Ý thơ trong hai câu đầu thể hiện rõ nét cả về mặt thời gian lẫn không gian, được khắc họa qua hình ảnh thiên nhiên mang tính biểu tượng. Từ “*bách hoa*” (trăm hoa) biểu thị không gian rộng lớn, bao quát của mùa xuân - nơi muôn hoa đua nở. Đặc tính vô thường được thể hiện rõ qua hai động từ đối lập: “*lạc*” (rụng) và “*khai*” (nở). “*Xuân khứ*” (xuân đi) gắn với “*bách hoa lạc*” miêu tả không gian mùa xuân qua đi khi hoa rụng, thể hiện sự tàn phai, kết thúc của một chu kỳ. Ngược lại, “*xuân lai*” (xuân đến) với “*bách hoa khai*” tái hiện không gian tràn đầy sức sống khi hoa nở, gợi mở sự khởi đầu mới. Cặp từ “*khứ*” và “*lai*” nhấn mạnh sự luân chuyển không ngừng của thời gian, làm nổi bật tính vô thường của không gian thiên nhiên, nơi mọi thứ đều tuần hoàn trong sinh diệt.

Sự tuần hoàn của hoa nở, hoa tàn không chỉ phản về sự tồn tại mong manh, mà còn khơi dậy trong tâm thức mỗi người tỉnh thức trước quy luật biến đổi không ngừng của vạn hữu. Từ đó đặt nền móng cho những suy nghĩ sâu sắc hơn về kiếp người, khắc họa sự trôi chảy của thời gian, mang đậm tính triết lý tạm bợ của vạn hữu.

2.1.3. Thân người vô thường

Hai câu tiếp theo của bài thơ:

*“Sự trục nhân tiền quá,
Lão tòng đầu thượng lai.”
(Sự việc qua trước mắt,
Cái già đến trên đầu).*

Không chỉ phản ánh dòng thời gian chảy trôi mà còn chỉ ra quy luật hoại diệt của thân thể con người vốn chịu sự chi phối của quy luật sinh – lão – bệnh – tử. Bốn giai đoạn ấy không ai tránh khỏi. Từ khi sinh ra đã mang theo bên mình cái mầm của già, của bệnh và của cái chết. Cái chết không chỉ là điểm cuối của một đời người, mà chính là một phần của đời sống, luôn hiện hữu trong từng hơi

thở.

Khi Thiền sư nói: *“Sự việc qua trước mắt, cái già đến trên đầu”*, là Ngài đã thể hiện trực giác Thiền học về sự vận hành vô tận của vạn pháp. Không có gì tồn tại mãi mãi, kể cả những điều ta tưởng là bền vững nhất như thân xác, trí tuệ, hay địa vị, danh vọng. Tóc bạc như sương là biểu tượng của sự tàn phai không thể cưỡng lại, là lời nhắc rằng mỗi khoảnh khắc hiện tại đều đang tiệm cận với cái chết, và con người cần phải đối diện nó bằng tâm thức tỉnh giác.

Trong Thiền học, cái chết không phải là điều đáng sợ, mà là một thực tại cần được nhìn thẳng và chấp nhận. Khi Thiền sư Mãn Giác viết bài thơ này trong lúc đang bệnh nặng, chính là lúc Ngài thể hiện một tâm thế ung dung, bình thản trước ranh giới sinh tử, một tâm thế mà chỉ người đã triệt để nhận ra vô thường mới có thể có được. Không than van, không đau khổ, không tiếc nuối, mà ngược lại, bài thơ như một *“khúc ca khải hoàn”* của trí tuệ: thấu suốt sinh tử là cánh cửa mở ra cõi vô sinh.

Vô thường không chỉ là lời nhắc nhở về sự kết thúc, mà còn là lời hiệu triệu để sống tỉnh thức, sống trọn vẹn với thực tại. Người học Phật khi quán niệm sâu sắc về vô thường sẽ biết quý từng khoảnh khắc hiện tại, sẽ không sa đà vào tranh đấu, hơn thua hay oán hận, mà sẽ sống từ bi, hỷ xả và buông bỏ. Bởi lẽ, hiểu được vô thường chính là bước đầu để bước vào con đường giác ngộ.



Hình ảnh minh họa (sưu tầm).

2.2. Pháp thân thường trụ (chân thân)

Bài thơ “Cáo Tật Thị Chúng” không chỉ phản ánh cảm thức về vô thường mà còn mở ra tầng sâu của tuệ giác qua hình ảnh chân thân thường trụ. Bốn câu đầu diễn tả quy luật sinh diệt của đời người, thì hai câu kết lại vén mở một thực tại vượt lên trên mọi đối thay:

*“Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận,
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.”
(Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết,
Đêm qua, sân trước một cành mai).*

“*Nhất chi mai*” - Một cành mai xuất hiện trong buổi xuân tàn, chính là biểu tượng của mùa xuân bất tận trong tâm hồn thanh thoát của bậc chứng đạo. Chỉ một cành hoa thôi đủ làm ngát hương cho đời, đủ tạo niềm tin và hy vọng vào thế giới Phật quốc hóa hiện ở thời Lý trong tiến trình xây dựng quốc gia Đại Việt; điều mà Thiền sư Mãn Giác phát biểu từ điểm nhìn Phật học và Thiền học.

Hai câu thơ như một lời thức tỉnh: đừng vội cho rằng xuân đã hết thì hoa cũng không còn, bởi ngay trước sân, đêm qua vẫn còn một cành mai nở rộ. Từ đó, bài thơ mở ra một hướng nhìn mới nơi sinh tử chỉ là biểu hiện bề ngoài, còn pháp thân thì vẫn thường trụ, thanh tịnh và không hề biến hoại.

2.2.1. Từ vô thường đến chân thân thường trụ

Câu thơ “*Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận*” không nhằm phủ nhận quy luật biến dịch, mà là lời cảnh tỉnh đối với cách nhìn nông cạn, chấp tướng vào hình tướng bên ngoài. Trong đời sống, khi mọi thứ dường như đã tàn phai, người chưa đạt đạo dễ sa vào cảm giác mất mát. Nhưng Thiền sư Mãn Giác chỉ ra rằng, vượt lên trên sự rụng rớt là một cành mai vẫn nở rộ biểu hiện của sự sống bền bỉ, của bản thể thanh tịnh không sinh không diệt.

Hoa mai trong thi ca Đông Á vốn tượng trưng cho khí tiết cao quý, thanh khiết, vượt qua gió rét để nở hoa. Trong tư tưởng Thiền, đó là hình ảnh của chân tâm cái tâm không sinh không diệt, luôn hiện hữu giữa đời thường. Sự xuất hiện của “*nhất chi mai*” ngay lúc mọi người tưởng rằng mùa xuân đã kết thúc chính là hình ảnh ẩn dụ của pháp thân mà vượt lên mọi đối đãi, thường hằng giữa vô thường.

2.2.2 Pháp thân như một thực tại hiện tiền

Pháp thân trong Phật giáo được hiểu là thân chân thật, không bị giới hạn bởi hình tướng hay không gian thời gian. Đó là thực tại tuyệt đối, vắng bật mọi phân biệt, song không rời cuộc đời. “*Một cành mai trước sân*” không phải là một hình ảnh siêu hình, mà là biểu hiện cụ thể của tâm giác ngộ, của sự sống chân

thật hiển hiện trong từng khoảnh khắc đời thường.

Trong bối cảnh bài thơ được viết khi Thiền sư lâm bệnh nặng, người đọc càng thấm thía hơn ý nghĩa của hai câu kết. Dù thân tứ đại đang trên đường hoại diệt, nhưng tâm không hề nao núng. Pháp thân vẫn hiện tiền, vững chãi như cành mai nở đêm qua. Qua đó, Thiền sư muốn gửi đến đại chúng thông điệp sâu sắc: sinh tử chẳng phải là tận cùng, mà chỉ là biểu hiện nhất thời; điều quan trọng là nhận ra được pháp thân và sống được với pháp thân ngay trong hiện tại.

Chương III. Hình thức nghệ thuật trong tác phẩm Cáo Tật Thị Chúng

Bài thơ Cáo Tật Thị Chúng của Thiền sư Mãn Giác không chỉ mang nội dung sâu sắc về tư tưởng vô thường và pháp thân thường trụ, mà còn thể hiện vẻ đẹp đặc biệt trong hình thức nghệ thuật. Tác phẩm là minh chứng rõ nét cho sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa thi ca và Thiền học, giữa cảm xúc thẩm mỹ và trí tuệ giác ngộ.

Trước hết, bài thơ thuộc thể loại kệ Thiền, một dạng thơ đặc trưng trong văn học Phật giáo Việt Nam. Bài thơ gồm sáu câu, trong đó bốn câu đầu được viết theo thể ngũ ngôn, nhưng hai câu cuối chuyển sang thất ngôn ("*Đình tiền tạc dạ nhất chi mai / Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận*") để nhấn mạnh triết lý về sự giác ngộ vượt lên trên sự vô thường. Sự thay đổi này làm nổi bật hình ảnh "*nhất chi mai*" – một biểu tượng của tâm thức bền vững trước dòng chảy thời gian. Thể thất ngôn với nhịp điệu uyển chuyển, trang trọng giúp câu thơ vang vọng ý nghĩa sâu sắc về sự trường tồn của chân lý Phật giáo, đồng thời phá cách cấu trúc để thu hút sự chú ý và khắc sâu ấn tượng cho người đọc.

Ngôn ngữ thơ giản dị, tự nhiên nhưng hàm súc. Mỗi chữ đều được lựa chọn cẩn trọng, không phô trương hình thức mà thấm đượm tinh thần Thiền. Chẳng hạn như cụm từ "*xuân tàn hoa lạc tận*" không chỉ là miêu tả hiện tượng tự nhiên mà còn là ẩn dụ về sự lụi tàn của thân tứ đại. Trong khi đó, hình ảnh "*nhất chi mai*" hiện lên nhẹ nhàng mà sâu lắng, biểu thị cho sự hiện hữu của pháp thân giữa dòng biến dịch.

Một đặc điểm nghệ thuật nổi bật là việc sử dụng biểu tượng trong thi ca. Hoa mai vốn là loài hoa nở trong tiết đông giá, mang ý nghĩa thanh cao, cứng cỏi, vượt lên nghịch cảnh. Trong bài thơ này, hoa mai không đơn thuần là một loài hoa mùa xuân, mà đã trở thành biểu tượng của chân tâm, của bản thể thường trụ vượt thoát sinh diệt. Câu thơ "*Đình tiền tạc dạ nhất chi mai*" vì thế không chỉ

là miêu tả cảnh vật mà còn là lời cảnh tỉnh, là công án thiền giúp người đọc thức ngộ.

Cách vận dụng nghệ thuật phủ định trong câu thơ “*Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận*” cũng là một điểm đáng chú ý. Phủ định ở đây không mang tính bác bỏ thuần túy, mà nhằm phá bỏ cái nhìn chấp thủ vào hiện tượng bên ngoài. Từ sự phủ định ấy, người đọc được dẫn dắt đến một cái thấy khác, sâu sắc hơn, rằng sự sống không hề mất đi mà chỉ chuyển hóa dưới hình thức khác. Đây là phương pháp nghệ thuật điển hình trong văn học Thiền, giúp phá chấp và mở ra cái nhìn bất nhị.

Với những đặc điểm trên, bài thơ “*Cáo Tật Thị Chúng*” cho thấy tài năng nghệ thuật của Thiền sư Mãn Giác, đồng thời là sự kết tinh giữa thi ca và đạo lý, giữa văn học và thiền tu. Nghệ thuật trong bài thơ không phải để phô diễn kỹ thuật hay cảm xúc đơn thuần, mà là con đường để thể hiện chân lý Phật giáo, để dẫn dắt người đọc đến với sự tỉnh thức và an trú trong bản thể bất sinh bất diệt.

C. Kết luận

Tác phẩm “*Cáo Tật Thị Chúng*” của Thiền sư Mãn Giác là một thi phẩm đặc sắc, kết hợp hài hòa giữa tư tưởng thiền học sâu sắc và hình thức nghệ thuật cô đọng, tinh luyện. Bài thơ tuy ngắn nhưng chứa đựng một thế giới quan Phật giáo giàu tính triết lý, thể hiện nhận thức sâu sắc về quy luật vô thường của vạn vật và cái nhìn vượt thoát trước sinh tử.

Qua hình ảnh mùa xuân và hoa mai, Thiền sư gợi mở nhận thức về bản chất biến đổi của cuộc đời, nhưng đồng thời khẳng định sự hiện diện thâm lặng và bền bỉ của chân như trong từng sát-na hiện hữu. Bài thơ không chỉ là lời dặn dò cuối đời mà còn là minh chứng cho tuệ giác đã thấm sâu vào đời sống tu hành, thể hiện rõ phong thái an nhiên, tự tại của bậc chân tu.

Về mặt nghệ thuật, bài thơ sử dụng ngôn ngữ giản dị mà giàu tính biểu tượng, kết cấu chặt chẽ, hình ảnh gần gũi nhưng gợi mở nhiều tầng ý nghĩa. Đây chính là sự kết tinh giữa tư tưởng và nghệ thuật, giữa thi ca và thiền học, giữa đời sống tâm linh và tinh thần văn hóa thời Lý.

Có thể nói, “*Cáo tật thị chúng*” không chỉ là một trong những tác phẩm tiêu biểu của văn học Phật giáo, mà còn là di sản tinh thần quý giá, thể hiện vẻ đẹp thanh cao và trí tuệ sâu sắc của Phật giáo thời Lý, góp phần làm phong phú thêm cho nền văn hóa, văn học dân tộc trong giai đoạn đầu của nền tự chủ Đại Việt ta.

Tài liệu tham khảo:

1. Thích Hạnh Tuệ, Văn Học Phật Giáo Việt Nam – Một hướng tiếp cận, Nxb Khoa học xã hội, 2019.
2. Nguyễn Lang, Việt Nam Phật giáo sử luận, Tập 1, Nxb Văn học, 2000.
3. Lê Mạnh Thát, Lịch sử Phật giáo Việt Nam, Nxb TP. Hồ Chí Minh, 2006.
4. Thích Phước Đạt - Thích Hạnh Tuệ và Thích Nữ Thanh Quế, Thiền Học Việt Nam, Nxb Phụ Nữ Việt Nam, 2022.
5. Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Tạng Kinh Đại Chính Tân Tu, Tập 17, số hiệu T784.
6. Thích Thanh Từ, Thiền sư Việt Nam, Nxb Tôn giáo, 2001.
7. Đoàn Lê Giang, Văn học Việt Nam thời Lý – Trần, Nxb Đại học Quốc gia TP. HCM, 2012.
8. Nguyễn Công Lý, Phật giáo và văn học Việt Nam thời Lý – Trần, Nxb Tôn giáo, 2015.
9. Nguyễn Thị Thanh Chung, Khảo luận hồ sơ tác giả Văn học Hán Nôm Việt Nam, Nxb Đại học Sư phạm, 2018.
10. Lại Nguyên Ân (chủ biên), Từ điển Văn học Việt Nam, Nxb Văn học, 2018

Tác giả: **Tỳ kheo ni Thích nữ Liên Thông** - Học viện PGVN tại TP.HCM